

Bản án số: 443/2024/DS-PT

Ngày: 22-8-2024

V/v “Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu,
văn bản chứng thực di chúc vô hiệu”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Thanh Tòng

Các Thẩm phán: Ông Lê Văn Phận

Bà Nguyễn Thị Rên

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thùy Dương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Minh Phượng - Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Bến Tre xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 212/2024/TLPT-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024 về “Yêu cầu tuyên bố di chúc vô hiệu, văn bản chứng thực di chúc vô hiệu”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 2623A/2024/QĐ-PT ngày 19 tháng 7 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn:

1.1. Ông Trần Văn C, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.2. Ông Trần Văn T, sinh năm 1972 (có mặt)

Địa chỉ: Số B, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.3. Bà Trần Thị X, sinh năm 1982 (có mặt)

Địa chỉ: Số D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

1.4. Ông Trần Văn M, sinh năm 1976

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Văn M: Bà Đào Hồng V, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Số H, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

2. *Bị đơn*: Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thị H - Chức vụ: Chủ tịch.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Trần Quốc K - Công chức Tư pháp.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:

3.1. Bà Trần Thị M1, sinh năm 1984

Địa chỉ: Số D, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M1: Ông Trần Văn H1, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3.2. Ông Trần Văn H1, sinh năm 1968 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3.3 Bà Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1986

3.4. Bà Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1991

Cùng địa chỉ: Số G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Ngọc D, bà Nguyễn Thị Bích T1: Ông Trần Văn M, sinh năm 1976 (có mặt)

Địa chỉ: Số A, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

3.5. Bà Nguyễn Thị A T2, sinh năm 1988

Địa chỉ: Số G, ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Nguyễn Thị A T2: Bà Đào Hồng V, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Số H, ấp A, xã A, huyện T, tỉnh Bến Tre.

4. *Người kháng cáo*: Nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X, ông Trần Văn M.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, đơn khởi kiện sửa đổi, bổ sung của nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X, ông Trần Văn M và trong quá trình tố tụng người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha, mẹ của ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X và ông Trần Văn M là cụ Trần Văn N, sinh năm 1935, chết ngày 02/02/2020; mẹ là cụ Bùi Thị K1, sinh năm 1938, chết ngày 05/7/2019. Cụ N và cụ K1 có tất cả 08 người con chung, gồm:

1/ Trần Văn C, sinh năm 1966;

2/ Trần Văn H1, sinh năm 1968;

3/ Trần Thị N1, sinh năm 1968 (đã chết năm 1996). Trần Thị N1 có chồng là ông Nguyễn Văn H2, bà N1 và ông H2 có 03 người con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1986, Nguyễn Thị A T2, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1991. Bà N1 không có con nuôi hay con riêng nào khác.

4/ Trần Văn T, sinh năm 1972;

5/ Trần Văn M, sinh năm 1976;

6/ Trần Thị Q, sinh năm 1979 (đã chết năm 1989 - không có con);

7/ Trần Thị X, sinh năm 1982;

8/ Trần Thị M1, sinh năm 1984.

Cụ N và cụ K1 không có con nuôi, con riêng, con ngoài giá thú nào khác.

Khi còn sống cụ N, cụ K1 có tạo lập được 04 thửa đất gồm: thửa đất số 436, loại đất ở và đất trồng cây lâu năm, diện tích 1917,7m² (trên đất có một căn nhà cấp 4); thửa đất số 494, loại đất trồng cây hàng năm, diện tích 1431,5m²; thửa đất số 454, loại đất trồng cây hàng năm, diện tích 4070,4m² và thửa đất số 435, loại đất nuôi trồng thủy sản diện tích 7836,9m². Tất cả các thửa đất trên cùng tờ bản đồ số 28, cùng tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre, do cụ Trần Văn N đứng tên trên giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Sau khi, cụ N và cụ K1 chết thì bà Trần Thị M1 là em ruột của các nguyên đơn mang tờ di chúc đến Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre để yêu cầu mở di chúc đối với di chúc lập ngày 12/9/2018 và được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 13/9/2018. Theo nội dung di chúc thể hiện, cụ N và cụ K1 để lại toàn bộ 04 thửa đất nêu trên cho bà Trần Thị M1 được quản lý sử dụng, dùng vào việc thờ cúng, hương hỏa tổ tiên và không được sang bán. Ngày 21/6/2021 đến tháng 9/2021 Ủy ban nhân dân xã T thực hiện thông báo về việc công khai di chúc của cụ N và cụ K1, sau đó bà Trần Thị M1 làm các thủ tục và được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng các thửa đất nêu trên.

Qua xem xét nội dung của di chúc, các nguyên đơn cho rằng di chúc của cụ N và cụ K1 là không hợp pháp, bởi vì mẹ của các nguyên đơn là cụ K1 bị mắc nhiều chứng bệnh như Đa u tủy, tăng huyết áp phải nhập viện để điều trị tại Bệnh viện C1 từ ngày 04/01/2018 đến ngày 25/12/2018 mới xuất viện nên tại thời điểm lập di chúc

và thời điểm chứng thực di chúc cụ K1 không có mặt tại địa phương nên việc cụ K1 lập di chúc là không đúng quy định. Ủy ban nhân dân xã T cho rằng cụ K1 có ký tên vào bản di chúc và việc này được thực hiện tại nhà của cụ K1. Trong trường hợp, cụ K1 có ký tên vào di chúc thì di chúc cũng bị vô hiệu. Vì khi lập di chúc, cụ K1 đã 80 tuổi, hai mắt của cụ K1 lúc đó bị lòi, mù nhưng không có văn bản nào chứng minh tại thời điểm lập di chúc, cụ K1 còn minh mẫn, sáng suốt, không bị hạn chế về thể chất, tinh thần, di chúc cũng không có người làm chứng hoặc văn bản thể hiện trước khi ký tên, cụ K1 đã được đọc hoặc được nghe đọc nội dung tờ di chúc và đây là ý chí tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa hoặc bị cưỡng ép khi cụ K1 ký tên vào bản di chúc. Khi chứng thực di chúc cụ N không cung cấp được giấy tờ chứng minh tài sản là bản chính giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do thời điểm đó cụ N đã thế chấp 04 thửa đất nêu trên tại Ngân hàng, cụ K1 ký tên vào di chúc tại nhà nhưng lời chứng thể hiện cụ K1 ký tên tại Ủy ban nhân dân xã T. Ngoài ra, Ủy ban nhân dân xã T thông báo về việc công khai di chúc, lập thủ tục cho người được hưởng di sản để thực hiện thủ tục cấp giấy và việc cấp các giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo di chúc cho bà M1 đang trong thời gian Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú thụ lý vụ án theo yêu cầu khởi kiện của bà M1, vụ án được thụ lý ngày 25/5/2020, sau đó bà M1 rút đơn khởi kiện, vụ án đã được đình bằng Quyết định đình chỉ giải quyết vụ án số 53/2021/QĐST-DS ngày 08/10/2021. Việc thông báo về việc công bố công khai di chúc của ông Trần Văn N, bà Bùi Thị K1 thì các đồng thừa kế khác của ông N và bà K1 không được nhận thông báo này do Ủy ban nhân dân xã T không có giao. Do đó, việc chứng thực di chúc để bà M1 được hưởng di sản trên của Ủy ban nhân dân xã T là không đúng theo quy định của pháp luật nên di chúc trên không có giá trị pháp lý.

Hiện nay, ông Trần Văn M, ông Trần Văn C đang quản lý sử dụng một phần các thửa đất nêu trên, bà M1 không có sử dụng các thửa đất trên. Tài sản trên đất gồm có: 01 ngôi nhà bê tông cốt thép, hồ chứa nước, cây trồng gồm: mai vàng, cây xoài, cây dừa và một số cây trồng khác như: nguyệt quế, mít, sa kê, chuối..., chuồng trại. Tất cả tài sản trên do cụ N và cụ K1 tạo lập.

Các nguyên đơn không yêu cầu trưng cầu giám định chữ ký của cụ N và cụ K1 trong di chúc ngày 12/9/2018, các nguyên đơn không yêu cầu xem xét thẩm định tại chỗ đối với các thửa đất số 435, 436, 454 và 494 cùng tờ bản đồ số 28, cùng tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và không có yêu cầu thu thập thêm tài liệu chứng cứ gì khác.

Các nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X và ông Trần Văn M có cùng yêu cầu giải quyết như sau:

- Tuyên bố di chúc của ông Trần Văn N và bà Bùi Thị K1 lập ngày 12 tháng 9 năm 2018 được Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre chứng thực ngày 13 tháng 9 năm 2018 là vô hiệu.

- Tuyên bố văn bản chứng thực di chúc số: 174 quyền số: 01-SCT/HĐ,GD ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre là vô hiệu.

Các nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý khi tuyên bố văn bản chứng thực và di chúc vô hiệu và không có yêu cầu gì khác nếu có tranh chấp các nguyên đơn sẽ khởi kiện bằng một vụ án khác.

Về chi phí tố tụng, các nguyên đơn đã nộp thì các nguyên đơn tự nguyện chịu toàn bộ.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre trình bày:

Vào ngày 13/9/2018, Ủy ban nhân dân xã T có chứng thực di chúc do cụ Trần Văn N và cụ Bùi Thị K1 lập ngày 12/9/2018 và được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực chữ ký vào ngày 13/9/2018, chứng thực số 174 quyền số 01-SCT/HĐ, GD. Ủy ban nhân dân xã T hồ sơ chứng thực di chúc của cụ N và cụ K1 gồm có: Văn bản di chúc và lời chứng thực chữ ký ngày 13/9/2018, chứng thực số 174 quyền số 01-SCT/HĐ, GD (Bản chính); giấy khám sức khỏe do Trung tâm y tế huyện T, tỉnh Bến Tre cấp ngày 06/8/2018 cho cụ N (Bản chính); Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do cụ Trần Văn N đứng tên, gồm các thửa đất số 435, tờ bản đồ số 28, diện tích 7836,9m²; thửa đất số 436, tờ bản đồ số 28, diện tích 1917,7m²; thửa đất số 494, tờ bản đồ số 28, diện tích 1431,5m²; thửa đất số 454, tờ bản đồ số 28, diện tích 4070,4m² (Bản phô tô copy); giấy CMND của cụ N và cụ K1 (Bản phô tô copy có chứng thực).

Ủy ban nhân dân xã T khẳng định việc chứng thực chữ ký của cụ N và cụ K1 là chính do cụ N và cụ K1 ký tên. Lúc ký tên vào di chúc thì cụ N và cụ K1 hoàn toàn minh mẫn, có đầy đủ khả năng nhận thức ý chí và làm chủ hành vi của mình. Trước khi cụ N và cụ K1 ký tên vào di chúc thì cán bộ Tư pháp của Ủy ban nhân dân xã T là ông Trần Quốc K có đọc lại toàn bộ nội dung di chúc cho cụ N và cụ K1 nghe, hai cụ thống nhất toàn bộ nội dung di chúc và tự nguyện ký tên vào di chúc trước sự chứng kiến của cán bộ xã là ông Trần Quốc K.

Trong văn bản di chúc do cụ N và cụ K1 đã lập ghi ngày 12/9/2018 được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực chữ ký ngày 13/9/2018 là hợp với quy định về tiếp nhận và trả hồ sơ trong thời hạn 02 ngày làm việc.

Ủy ban nhân dân xã T khẳng định việc chứng thực chữ ký trên văn bản di chúc do cụ Trần Văn N và cụ Bùi Thị K1 lập ngày 12/9/2018 và được chứng thực chữ ký ngày 13/9/2018 là hoàn toàn đúng theo quy định của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ quy định về cấp bản sao từ sổ gốc,

chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký và chứng thực hợp đồng, giao dịch.

Ủy ban nhân dân xã T không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Nếu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận thì Ủy ban nhân dân xã T không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố văn bản chứng thực di chúc vô hiệu và di chúc vô hiệu.

Trong quá trình tố tụng, người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M1 trình bày:

Cha, mẹ của bà Trần Thị M1 là cụ N, sinh năm 1935, đã chết vào năm 2020 và mẹ cụ Bùi Thị K1, sinh năm 1938, chết năm 2019. Cha mẹ của bà M1 có tất cả 08 người con như sau:

1/ Trần Văn C.

2/ Trần Văn H1.

3/ Trần Thị N1, sinh năm 1968, đã chết năm 1996. Bà N1 có 03 người con là Nguyễn Ngọc D, Nguyễn Thị A T2 và Nguyễn Thị Bích T1. Chồng của bà N1 tên Nguyễn Văn H2, ông không biết năm sinh. Những người này cùng cư trú tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Bà N1 không có con riêng, con nuôi hay con ngoài giá thú nào khác.

4/ Trần Văn T.

5/ Trần Văn M.

6/ Trần Thị Q đã chết lúc 12 tuổi.

7/ Trần Thị X.

8/ Trần Thị Mộng .

Cụ N và cụ K1 không có con nuôi, con riêng hay con ngoài giá thú nào khác.

Vào ngày 12/9/2018, cụ N và cụ K1 có lập bản di chúc, trong trạng thái tinh thần còn minh mẫn, không bị ai ép buộc, cụ N và cụ K1 đã tự nguyện lập di chúc cho bà Trần Thị M1 các thửa đất số 435, 436, 454, 494 cùng tờ bản đồ 28, đất cùng tọa lại tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Di chúc ngày 12/9/2018 của cụ N và cụ K1 được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 13/9/2018 có sự chứng kiến của cán bộ xã và 02 cụ có nghe cán bộ xã đọc lại di chúc. Sau khi cụ N và cụ K1 chết thì bà M1 tiến hành các thủ tục mở di chúc, không ai tranh chấp và lập hồ gửi đến cơ quan có thẩm quyền để thực hiện thủ tục cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất theo di chúc. Sau khi thực hiện đầy đủ các thủ tục thì bà M1 được Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp 04 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cùng ngày 17/9/2021 đối với các thửa đất số 435, 436, 454, 494 cùng tờ bản đồ 28, đất tọa lạc tại xã T, huyện

T, tỉnh Bến Tre. Việc cụ N và cụ K1 lập di chúc các thửa đất trên cho bà M1 là đúng quy định của pháp luật. Di chúc này đã được cơ quan có thẩm quyền kết luận di chúc là đúng quy định.

Bà M1 không đồng ý với toàn bộ yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn. Trường hợp yêu cầu của các nguyên đơn được chấp nhận thì bà M1 không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý của văn bản chứng thực và di chúc vô hiệu. Bà M1 không có yêu cầu gì khác.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 trình bày:

Ông không có yêu cầu hay tranh chấp gì trong vụ án này, đề nghị Tòa án xem xét giải quyết theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Thị A T2 trình bày:

Bà Nguyễn Thị A T2 không có tranh chấp, không có yêu cầu gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Nguyễn Ngọc D và bà Nguyễn Thị Bích T1 trình bày:

Nguyễn Thị Bích T1 và Nguyễn Ngọc D là con của bà Trần Thị N1, ông không nhớ năm sinh của bà N1, bà N1 đã chết năm 1996 (bà N1 chết trước cha mẹ của bà N1). Bà Trần Thị N1 là con của cụ Trần Văn N, sinh năm 1935, đã chết vào năm 2020 và mẹ bà N1 là cụ Bùi Thị K1, sinh năm 1938, chết năm 2019. Chồng của bà N1 là ông Nguyễn Văn H2, bà Trần Thị N1 và ông H2 có tất cả 03 người con chung là Nguyễn Ngọc D, sinh năm 1986, Nguyễn Thị A T2, sinh năm 1988 và Nguyễn Thị Bích T1, sinh năm 1991. Nguyễn Thị Bích T1 và Nguyễn Ngọc D không có yêu cầu, không có tranh chấp gì trong vụ án này. Đề nghị Tòa án xem xét giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Do hòa giải không thành, Tòa án nhân dân huyện Thạnh Phú đưa vụ án ra xét xử. Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 đã tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X và ông Trần Văn M về việc yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Trần Văn N và cụ Bùi Thị K1 lập ngày 12 tháng 9 năm 2018 được Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre chứng thực ngày 13 tháng 9 năm 2018 là vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X và ông Trần Văn M về việc yêu cầu tuyên bố văn bản chứng thực di chúc số: 174 quyển số 01-SCT/HĐ,GD ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre là vô hiệu.

Ngoài ra bản án còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng và quyền kháng cáo của các đương sự.

Ngày 12/6/2024, Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú nhận được đơn kháng cáo đề ngày 11/6/2024 của nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X, ông Trần Văn M. Các nguyên đơn kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, đề nghị cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, giữ nguyên nội dung kháng cáo; bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Trần Văn H1 (đồng thời là người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Thị M1) không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Những người tiến hành tố tụng đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng, những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng các quyền và nghĩa vụ theo quy định của pháp luật tố tụng.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X, ông Trần Văn M, giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, xét kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X, ông Trần Văn M; Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X và ông Trần Văn M yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Trần Văn N, cụ Bùi Thị K1 lập ngày 12/9/2018 được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre chứng thực ngày 13/9/2018 vô hiệu và tuyên bố văn bản chứng thực di chúc số 174 quyền số 01-SCT/HĐ,GD ngày 13/9/2018 của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre vô hiệu. Các nguyên đơn không yêu cầu giải quyết hậu quả pháp lý khi tuyên bố di chúc và văn bản chứng thực di chúc vô hiệu.

Bị đơn Ủy ban nhân dân xã T và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Trần Thị M1 cho rằng việc Ủy ban nhân dân xã T chứng thực di chúc của cụ N và cụ K1 là đúng quy định pháp luật nên không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[2.1] Về di sản của cụ Trần Văn N và cụ Bùi Thị K1:

Các đương sự đều xác định tại thời điểm lập di chúc cụ N và cụ K1 là chủ sử dụng các thửa đất số 435, 436, 454, 494, cùng tờ bản đồ số 28, tọa lạc tại xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và 01 căn nhà cấp 4 có kết cấu bê tông cốt thép. Nguồn gốc các thửa đất và căn nhà nêu trên là do cụ N và cụ K1 cùng tạo lập.

Ngày 12/9/2018, cụ N và cụ K1 lập di chúc định đoạt các tài sản trên, sau khi cụ N, cụ K1 chết thì di sản giao cho bà Trần Thị M1 quản lý và sử dụng vào việc thờ cúng, hương hỏa tổ tiên, không được sang bán. Di chúc này được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T chứng thực vào ngày 13/9/2018, số chứng thực 174 quyển số 01-SCT/HĐ,GD.

[2.2] Xét di chúc của cụ N, cụ K1 lập ngày 12/9/2018:

[2.2.1] Về hình thức:

Di chúc được lập thành văn bản có chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre là phù hợp với quy định về hình thức của di chúc theo Điều 627, khoản 4 Điều 628 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2.2] Về nội dung:

Di chúc có thể hiện ngày, tháng, năm lập di chúc là “ngày 12 tháng 9 năm 2018”; Họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc là “Trần Văn N, sinh năm 1935, hộ khẩu thường trú tại: 4 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre và vợ là bà: Bùi Thị K1, sinh năm 1938, hộ khẩu thường trú tại: 4 ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre”; Họ, tên người được hưởng di sản là “Bà Trần Thị M1, sinh năm 1984”; Di sản để lại và nơi có di sản là “Thửa đất số 436, tờ bản đồ số 28, loại đất ở (ONT) và đất trồng cây lâu năm (LNK), Địa chỉ thửa đất: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre. Tài sản gắn liền với đất: Nhà ở (Một căn nhà chữ L): nhà tường (loại nhà cấp 4)”, “Thửa đất số 494, tờ bản đồ số 28, loại đất trồng cây hàng năm (BHK), Địa chỉ thửa đất: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.”, “Thửa đất số 454, tờ bản đồ số 28, loại đất: trồng cây hàng năm (BHK), Địa chỉ thửa đất: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre.”, “Thửa đất số 435, tờ bản đồ số 28, loại đất: nuôi trồng thủy sản (TSL), Địa chỉ thửa đất: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre”; Di chúc không có viết tắt và không viết bằng ký hiệu; Di chúc gồm nhiều trang có ghi số thứ tự và có chữ ký của người lập di chúc là cụ N và cụ K1 ở mỗi trang. Do đó, di chúc phù hợp với quy định về nội dung của di chúc theo Điều 631 Bộ luật dân sự năm 2015.

[2.2.3] Về điều kiện của di chúc hợp pháp:

Tại trang 1 của Di chúc do cụ N và cụ K1 lập ngày 12/9/2018 có nội dung “Vi lý do tuổi đã cao, trong lúc sức khỏe tốt, tinh thần hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt,

vợ chồng chúng tôi tự nguyện lập bản di chúc này...” và tại trang 3 của Di chúc có nội dung “Chúng tôi khẳng định lập Di chúc này trong trạng thái tinh thần hoàn toàn minh mẫn, sáng suốt, tự nguyện, không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép”. Tại các trang có các nội dung nêu trên đều có chữ ký của cụ N và cụ K1, điều đó thể hiện tại thời điểm lập Di chúc thì cụ N và cụ K1 đều minh mẫn, sáng suốt, không bị lừa dối, đe dọa, cưỡng ép.

Nguyên đơn thừa nhận cụ N, cụ K1 biết chữ, biết đọc, biết viết; tuy nhiên, nguyên đơn cho rằng tại thời điểm lập di chúc cụ K1 mắc nhiều chứng bệnh như Đa u tủy, tăng huyết áp, nhồi máu não, cụ K1 đã 80 tuổi, hai mắt của cụ K1 lúc đó bị lòi, mù, không có văn bản nào chứng minh tại thời điểm lập di chúc, cụ K1 còn minh mẫn, sáng suốt, không bị hạn chế về thể chất, tinh thần. Xét thấy, theo hồ sơ bệnh án của cụ K1 tại Bệnh viện C1 thì từ năm 2016 đến năm 2018 thì cụ K1 không mắc bệnh liên quan đến não bộ ảnh hưởng đến thần kinh làm sa sút trí tuệ, không mắc các bệnh về mắt, giai đoạn này cụ K1 chỉ mắc các chứng bệnh liên quan đến xương, huyết áp, tủy, phổi. Nguyên đơn không chứng minh được tại thời điểm lập di chúc cụ K1 không còn minh mẫn, sáng suốt.

[2.2.4] Về thủ tục lập di chúc:

Theo quy định tại khoản 2 Điều 5 Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16/02/2015 của Chính phủ thì Ủy ban nhân dân cấp xã có thẩm quyền và trách nhiệm chứng thực di chúc.

Di chúc do cụ N, cụ K1 lập ngày 12/9/2018 có chứng thực tại Ủy ban nhân dân xã T nên thủ tục lập di chúc căn cứ vào Điều 636 Bộ luật dân sự năm 2015. Tại trang 3 của Di chúc có nội dung “Sau khi cán bộ Tư pháp – Hộ tịch xã T lắng nghe nguyện vọng của chúng tôi đã ghi chép, đánh máy và in Di chúc này, đọc lại cho chúng tôi nghe một lần nữa toàn văn bản Di chúc này và chúng tôi cũng đã tự mình đọc lại toàn bộ nội dung Di chúc, hiểu rõ, đồng ý toàn bộ nội dung ghi trong Di chúc và ký tên vào từng trang của Di chúc để công nhận rằng toàn bộ nội dung Di chúc được ghi chép, đánh máy, in ấn là hoàn toàn phù hợp với ý nguyện của chúng tôi”. Đồng thời, Cán bộ Tư pháp là ông Trần Quốc K khẳng định ông chứng kiến cụ N và cụ K1 trực tiếp ký tên vào Di chúc. Cụ N, cụ K1 là người biết chữ, đọc được, nghe được, ký tên được nên không thuộc trường hợp phải có người làm chứng.

Nguyên đơn cho rằng khi cụ K1 yêu cầu chứng thực di chúc thì cụ K1 ký tên vào di chúc tại nhà nhưng lời chứng thể hiện cụ K1 ký tên tại Ủy ban nhân dân xã T và di chúc không có người làm chứng. Xét thấy, theo quy định tại khoản 1 Điều 10 của Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ quy định như sau: “1. Việc chứng thực được thực hiện tại trụ sở cơ quan, tổ chức có thẩm quyền chứng thực, trừ trường hợp chứng thực di chúc, chứng thực hợp đồng, giao dịch, chứng thực chữ ký mà người yêu cầu chứng thực thuộc diện già yếu,

không thể đi lại được, đang bị tạm giữ, tạm giam, thi hành án phạt tù hoặc có lý do chính đáng khác.”. Về nội dung lời chứng thực của Ủy ban nhân dân xã T phù hợp Phụ lục mẫu lời chứng, mẫu số chứng thực (Ban hành kèm theo Nghị định số 23/2015/NĐ-CP ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ).

Như vậy, về thủ tục chứng thực di chúc của Ủy ban nhân dân xã T là đúng quy định.

[3] Từ những phân tích nêu trên, xét thấy Di chúc do cụ N, cụ K1 lập ngày 12/9/2018 được Ủy ban nhân dân xã T chứng thực ngày 13/9/2018 đảm bảo về hình thức, nội dung, điều kiện và thủ tục nên Di chúc là hợp pháp.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định không yêu cầu chia di sản thừa kế hay các tranh chấp khác, tuy nhiên nguyên đơn cho rằng nội dung di chúc thể hiện sau khi cụ N, cụ K1 chết thì di sản để lại cho bà M1 quản lý và sử dụng vào việc thờ cúng nhưng bà M1 không thực hiện việc thờ cúng nên yêu cầu hủy di chúc. Như vậy, nguyên đơn cũng thừa nhận di chúc ngày 12/9/2018 là đúng với ý chí của cụ N, cụ K1 dùng di sản vào việc thờ cúng, không được sang bán.

Cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, nguyên đơn kháng cáo nhưng không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ mới có giá trị chứng minh cho kháng cáo của mình là có căn cứ nên không được chấp nhận. Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Án phí phúc thẩm: Do kháng cáo không được chấp nhận nên ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X, ông Trần Văn M phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X, ông Trần Văn M.

Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 83/2024/DS-ST ngày 30 tháng 5 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Thanh Phú.

Căn cứ các Điều 147, 148 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 624, 625, 626, 627, 628, 630, 631, 635, 636, 643 của Bộ luật Dân sự năm 2015; các Điều 167, 170, 188, 203 của Luật Đất đai năm 2013; Nghị định số 23/2015/NĐ-CP

ngày 16 tháng 02 năm 2015 của Chính phủ; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X và ông Trần Văn M về việc yêu cầu tuyên bố di chúc của cụ Trần Văn N và cụ Bùi Thị K1 lập ngày 12 tháng 9 năm 2018 được Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre chứng thực ngày 13 tháng 9 năm 2018 là vô hiệu.

2. Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của các nguyên đơn ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X và ông Trần Văn M về việc yêu cầu tuyên bố văn bản chứng thực di chúc số: 174 quyển số 01-SCT/HĐ,GD ngày 13 tháng 9 năm 2018 của Ủy ban nhân xã T, huyện T, tỉnh Bến Tre là vô hiệu.

3. Về chi phí tố tụng: ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X và ông Trần Văn M có nghĩa vụ liên đới nộp 496.000 đồng (Bốn trăm chín mươi sáu nghìn đồng) và đã nộp xong.

4. Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X và ông Trần Văn M có nghĩa vụ liên đới chịu 600.000 đồng (Sáu trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo các Biên lai thu số 0000331, số 0000332, số 0000333 và số 0000334 cùng ngày 18/10/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre. Số tiền còn lại là 600.000 đồng Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú, tỉnh Bến Tre hoàn trả lại cho ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X và ông Trần Văn M.

5. Án phí dân sự phúc thẩm: Ông Trần Văn C, ông Trần Văn T, bà Trần Thị X, ông Trần Văn M mỗi người phải chịu án phí là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mỗi người đã nộp là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo các Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001393, 0001394, 0001392, 0001391 cùng ngày 13/6/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Thạnh Phú.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bến Tre;
- TAND huyện Thạnh Phú;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

- Chi cục THADS huyện Thanh Phú;
- Phòng KTNV&THA TAND tỉnh;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, văn phòng.

(đã ký)

Phan Thanh Tòng